

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/HS-ST**
Ngày 14 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Vũ Xuân T - Sinh năm: 1998 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Ngọc T; Con bà: Trần Thị L; Vợ con: Chưa có;

Tiền sự: Ngày 19/8/2019 bị Công an xã Hồng Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt tiền hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt để tạm giam từ ngày 25/3/2020 đến nay. Có mặt.

2. Trần Quyết Th - Sinh năm: 1993 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi ĐKNKTT: xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông:

Trần Văn M; Con bà: Lưu Thị T; Có vợ là: Lưu Thị Lan A; Có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 26/3/2020 đến ngày 6/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp “Bảo lãnh” từ ngày 6/4/2020 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Ngọc S - Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Xuân T là công nhân Công ty giấy AMARA thuộc cụm Công nghiệp thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Ngày 09/3/2020, sau khi đi ăn cơm trưa về, thấy anh Nguyễn Ngọc S để chùm chìa khóa xe trong đó có chìa khóa điện của chiếc xe máy BKS 18E1-282.46 ở trong túi áo khoác để trên ghế ngồi của anh S. Thấy không ai để ý, T đã lấy chùm chìa khóa rồi đem về nhà cất giấu để chờ tìm cơ hội lấy trộm chiếc xe máy của anh S. Khi T lấy chùm chìa khóa, anh S không biết và nghĩ đã đánh rơi nên lấy chìa khóa phụ của xe để tiếp tục sử dụng. Sáng ngày 18/3/2020, T điều khiển xe máy của gia đình chở mẹ đi là bà Trần Thị L làm cùng Công ty đến Công ty AMARA gửi xe rồi đưa chìa khóa và vé gửi xe cho bà L. Đến 7 giờ 30 phút cùng ngày, khi công nhân đã vào làm việc, T đi ra lán xe số 2 tìm xe máy của anh S. Khi thấy xe của anh S đang để trong lán, thấy xung quanh không có ai để ý, T dùng chìa khóa trộm cắp được trước đó mở cốp xe thì thấy trong cốp có để 01 chiếc áo mưa, 01 bộ dụng cụ sửa chữa xe và vé gửi xe. T lấy chiếc vé gửi xe, nổ máy, điều khiển xe đi ra chốt bảo vệ trả vé xe rồi phóng xe đi.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xe máy trộm cắp được đến quán cắt tóc của Phạm Thành L - SN: 1996 ở thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. T gặp L và hỏi bán chiếc xe máy vừa trộm cắp được cho L. L thấy xe máy còn mới hỏi T sao lại bán xe. T trả lời xe của bạn bên Nam Định, cầm cố cho T giá 5 triệu, xe không có giấy tờ. Nghe T nói, L gọi điện cho vợ nhưng vợ L không đồng ý mua. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, thì Trần Quyết Th đến quán của L chơi. L nói với Th là T muốn bán xe, Th có nhu cầu mua thì mua. Th đồng ý. Khi L đi cắt tóc cho khách, Th và T đi ra ngoài cửa quán giao dịch mua bán xe máy với nhau. Th xem rồi nói: “Xe này ở đâu, bán bao nhiêu?”. T nói: “Xe này bạn em nó nhẩy, không có giấy tờ, nó cầm lại cho em năm triệu, anh mua không, em để cho anh năm triệu”. Ý bảo Th xe máy BKS 18E1-282.46 là do trộm cắp mà có. Th hiểu ý và biết là xe trộm cắp nhưng do ham rẻ, Th vẫn muốn mua để sử dụng. Th trả giá bốn triệu nhưng T không đồng ý. Th lấy số điện thoại của T và dặn T nếu muốn bán thì liên hệ lại cho Th. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Th điện thoại cho T tiếp tục thỏa thuận và thống nhất giá 4.700.000đ, T đồng ý. Th yêu cầu T đi xe máy đến công nhà Th để giao xe và lấy tiền. Tại đây, Th đưa cho T 4.200.000đ

và nợ lại T 500.000đ. T nhận tiền và giao xe máy cùng mũ bảo hiểm và áo mưa trong xe lại cho Th rồi đi về.

Sau khi mua xe, Th dùng cờ lê trong cốp tháo biển số xe cất giấu trong cốp xe rồi sử dụng đi lại. Khi biết cơ quan công an phát hiện, Th lắp lại BKS 18E1-282.46 rồi nhờ bố để là ông Trần Văn M giao nộp chiếc xe máy trên cùng toàn bộ vật dụng để ở xe cho CQCSĐT công an huyện Trục Ninh.

Vật chứng thu giữ: Ông Trần Văn M tự nguyện giao nộp cho CQCSĐT 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS 18E1-282.46; 01 bộ dụng cụ sửa chữa gồm 01 cờ lê, 01 chiếc kìm và 01 ống khẩu vặn ốc; 01 chùm chìa khóa trong đó có 01 chiếc chìa khóa điện của xe máy BKS 18E1-282.46; 01 chiếc áo mưa màu đỏ đã qua sử dụng; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu hồng đã qua sử dụng.

Anh Nguyễn Ngọc S giao nộp: 01 Giấy đăng ký xe máy của xe máy BKS 18E1-282.46 mang tên Nguyễn Ngọc S.

Khám xét nhà ở của Vũ Xuân T CQCSĐT thu giữ: 01 chiếc áo khoác loại áo gió màu xanh rêu và 01 chiếc quần bò màu xanh trắng.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh định giá chiếc Honda wave Alpha BKS 18E1-282.46 trị giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-KSĐT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Vũ Xuân T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Truy tố bị cáo Trần Quyết Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Tuyên bố bị cáo bị cáo Trần Quyết Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Vũ Xuân T thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Áp dụng Điều 328 BLTTHS đề nghị HĐXX tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 323 điểm b, i; s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt Trần Quyết Th từ 9 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 4.200.000đ. Trách nhiệm dân sự không đặt ra; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quyết Th.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị hại có mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Về hình phạt bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu của công dân, trật tự công cộng - là khách thể được Hiến pháp và Bộ luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo biết tiến hành vi trộm cắp tài sản của người khác, hành vi biết rõ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ của các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại CQCSĐT. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản.

Từ những chứng cứ nêu trên, HĐXX thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Vũ Xuân T ngày 18/3/2020 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi không hứa hẹn trước nhưng biết rõ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn mua của bị cáo Trần Quyết Th đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Việc VKSND huyện Trục Ninh truy tố bị cáo Vũ Xuân T về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Truy tố bị cáo Trần Quyết Th về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-KSĐT ngày 17 tháng 6 năm 2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Để đảm bảo trật tự pháp luật giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp pháp lý - hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới các tình tiết: Các bị cáo tại CQCSĐT cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn ănh hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo Vũ Xuân T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS do bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt, đã tác động để gia đình nộp thay số tiền đã chiếm hưởng trái phép và gia đình bị cáo đã nộp, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội; bị cáo Trần Quyết Th được áp dụng thêm điểm b khoản 1, Điều 51 BLHS do đã tác động để gia đình khắc phục hậu quả của tội phạm và gia đình bị cáo đã nộp khắc phục, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để vừa thể hiện nguyên tắc nhân đạo, công bằng của pháp luật XHCN, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Vũ Xuân T: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét nhân thân bị cáo - HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Quyết Th: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ Điều 36 BLHS thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo: HĐXX xét thấy các bị cáo là người lao động thuần túy nhất thời phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quyết Th.

[7] Khi Vũ Xuân T đem chiếc xe máy trộm cắp được đến cửa hiệu cắt tóc của Phạm Thành L và hỏi bán cho L. L không mua và giới thiệu để Th mua chiếc xe máy của T. L không biết xe máy trộm cắp mà có, không có sự bàn bạc hay thỏa thuận gì với T để giới thiệu cho Th mua xe máy T trộm cắp được nên không phạm tội.

[8] Trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy BKS 18E1- 282.46, 01 chùm chìa khóa xe, 01 đăng ký xe máy, 01 bộ dụng cụ sửa chữa xe máy và 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc áo mưa CQCSĐT đã trả lại cho anh S. Anh S không có yêu cầu bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

Chiếc áo khoác và chiếc quần bò thu giữ tại nhà T là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy BS: 18E1- 282.46. CQCSĐT đã trả lại cho ông Vũ Ngọc T theo yêu cầu của T. Xét thấy việc xử lý vật chứng của

CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền Vũ Xuân T và Trần Quyết Th thỏa thuận mua bán chiếc xe máy, Th đã trả T 4.200.000đ. T nhờ ông T, bà L là bố mẹ giao nộp lại số tiền trên cho CQCSĐT là tiền phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS: Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Vũ Xuân T 03 tháng 22 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2020. Áp dụng Điều 328 BLTTHS tuyên trả tự do ngay cho bị cáo Vũ Xuân T tại phiên tòa nếu bị cáo Vũ Xuân T không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS: Tuyên bố bị cáo Trần Quyết Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt Trần Quyết Th 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 36 ngày do bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 26/3/2020 đến ngày 6/4/2020.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS – Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền 4.200.000đ được CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ngày 22 tháng 6 năm 2020).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Vũ Xuân T, Trần Quyết Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định + huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà